

Số: **644/2023/QĐST-HNGĐ**

Thành phố Huế, ngày 08 tháng 9 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 731/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh Tôn Thất Kỳ V, sinh năm 1981; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 28 Nguyễn Thiện K, phường V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Nơi ở hiện tại: 149B Trường C, phường Đ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Chị Trần Thị Minh P, sinh năm 1980; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 28 Nguyễn Thiện K, phường V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Nơi ở hiện tại: 149B Trường C, phường Đ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tôn Thất Kỳ V và chị Trần Thị Minh P qua thời gian tìm hiểu nhau thì đi đến hôn nhân, anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 23 tháng 3 năm 2007 tại UBND xã A (nay là phường Đ), thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng những năm gần đây thường gây gổ và thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn không giải quyết được vì tính cách không hòa hợp, không có tiếng nói chung, không thể tiếp tục sống với nhau. Cả hai nhận thấy không thể cố gắng hàn gắn được nữa nên đã làm đơn xin thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Tôn Thất Minh Đ, sinh ngày 9/11/2010 và Tôn Nữ Phương N, sinh ngày 23/5/2013. Vợ chồng thỏa thuận, giao cả 02 con cho chị Trần Thị Minh P trực tiếp nuôi dưỡng và anh Tôn Thất Kỳ V không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] Về nợ chung: Anh V và chị P xác nhận không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Tôn Thất Kỳ V tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đ.

Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006517 ngày 18/08/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh V đã nộp đủ tiền án phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hôn nhân: anh Tôn Thất Kỳ V và chị Trần Thị Minh P thuận tình ly hôn.
2. Về con chung: có 02 con chung là cháu Tôn Thất Minh Đ, sinh ngày 9/11/2010 và Tôn Nữ Phương N, sinh ngày 23/5/2013.

Vợ chồng thỏa thuận, giao cả 02 con cho chị Trần Thị Minh P trực tiếp nuôi dưỡng và anh Tôn Thất Kỳ V không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa giải quyết.

5. Về Án phí: Án phí thuận tình ly hôn anh Tôn Thất Kỳ V tự nguyện chịu toàn bộ án phí 300.000đ. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006517 ngày 18/08/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh V đã nộp đủ tiền án phí.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP Huế;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND xã Thủy An, thành phố Huế;
- Lưu án;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Hằng

